

**1. NHẬN DẠNG**

thương hiệu	: Nhựa LEXAN™
Tên sản phẩm	: 945-4B7D013
Mã sản phẩm	: 22204983
Mô tả sản phẩm	: Polycarbonate
Trạng thái	: viên nhỏ
Mục đích sử dụng	: Có thể được sử dụng để sản xuất vật đúc hoặc ép hoặc là thành phần của các sản phẩm công nghiệp khác. Sản xuất các sản phẩm nhựa, bao gồm cả việc pha trộn và biến đổi
Hạn chế khi sử dụng	: Chỉ dùng trong công nghiệp
Nhà cung cấp	: SABIC Innovative Plastics Singapore Pte Ltd 23 Benoi Road, Singapore 629895 Singapore Telephone: +65 62104100
Số Điện thoại SABIC Khẩn cấp	: Singapore: +(65)-6210 4199
Vận chuyển khẩn cấp #	: CHEMTREC, Hoa Kỳ: (800) 424-9300 Quốc tế: (703) 527-3887
Địa chỉ e-mail	: sds.info@sabic.com
Trang web	: http://www.sabic.com

**2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI****GHS chú ý**

Các chất phụ gia trong sản phẩm này (nếu có) được giữ trong ma trận nhựa nhiệt dẻo. Theo quy định của GHS về việc phân loại sản phẩm, độ nguy hại tiềm ẩn có thể được đánh giá dựa vào hình thức lý hóa và/hoặc sinh khả dụng của các thành phần riêng lẻ trong nhựa nhiệt dẻo. GHS của Liên Hợp Quốc cho rằng ngay cả khi tác dụng phụ được phát hiện trong các nghiên cứu ở động vật hoặc thí nghiệm trong ống nghiệm, không cần phân loại nếu cơ chế hoặc kiểu hoạt động này không liên quan đến con người. Quy định CLP của Châu Âu cũng cho rằng không cần phân loại nếu cơ chế này không liên quan đến con người. Các phân loại của GHS được nêu dưới đây dựa trên các thành phần riêng lẻ trong ma trận nhựa nhiệt dẻo. Theo các điều kiện sử dụng thông thường của loại nhựa này, các thành phần độc hại không có khả năng góp phần vào sự tiếp xúc ở nơi làm việc. Xin vui lòng đọc toàn bộ bản dữ liệu an toàn và/hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia EHS để hiểu rõ.

**Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Được biết là chưa xảy ra.

**SABIC tổng quan tình trạng khẩn cấp**

Các viên có mùi nhẹ hoặc không mùi

Chất bị đổ ra có thể gây trơn trượt.

Có thể đốt cháy, tạo ra khói đặc và độc

Nhựa nóng chảy có thể gây bỏng nhiệt nặng

Khói bốc ra trong quá trình xử lý nóng chảy có thể kích ứng mắt, da và đường hô hấp. Tiếp xúc với khói quá nhiều có thể gây buồn nôn, đau đầu, ớn lạnh và sốt.

Hoạt động thứ cấp, như mài, chà nhám, hoặc cưa có thể tạo ra bụi và bụi đó có thể gây nổ hoặc độc hại đối với đường hô hấp.

**Các thông tin khác**

OSHA, IARC và/hoặc NTP đã coi cacbon, titanium dioxide, tinh thể silica (thạch anh), thủy tinh hít và một số kim loại nặng, có trong một số chất màu và chất độn, là chất gây ung thư. Nếu các chất liệu này có trong sản phẩm này ở số lượng đáng kể, thì sẽ được nêu trong Phần 2/3. Những chất liệu này về cơ bản đi kèm với ma trận nhựa và không có khả năng góp phần vào sự tiếp xúc ở nơi làm việc trong điều kiện chế biến cho phép.

**Vấn đề xử lý**

Xử lý hơi có thể gây kích ứng da, mắt và đường hô hấp. Trong trường hợp tiếp xúc quá nhiều, có thể dẫn đến buồn nôn và đau đầu. Hơi dầu mỡ ngưng tụ trên đường ống thông gió, khuôn mẫu và các bề mặt khác có thể gây kích ứng và tổn thương da.

**Điều kiện Y tế kém**

GIỚI HẠN VỀ Y TẾ: Không có trường hợp nào sức khỏe bị ảnh hưởng trầm trọng do tiếp xúc với sản phẩm này. Tuy nhiên, một số người nhạy cảm và những ai có khiếm khuyết về hô hấp có thể bị ảnh hưởng do tiếp xúc với các thành phần trong khi chế biến hơi.

**3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC PHỤ LIỆU**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Hỗn hợp chất

**Thành phần**

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Titanium Dioxide	13463-67-7	$\geq 0.3$ -< 1
Substituted Pyrazolone	4702-90-3	$\geq 0.3$ -< 1
1,8-Diphenylthio-Anthraquinone	13676-91-0	$\geq 0.1$ -< 0.25

Nếu xuất hiện cao hơn mức nồng độ tối thiểu thì các thành phần liệt kê ở trên được coi là tiềm ẩn nguy cơ đối với sức khỏe hoặc môi trường. Mọi nồng độ được thể hiện dưới dạng phạm vi là để bảo vệ tính bảo mật và/hoặc là do sự biến đổi theo lô. Mọi thành phần không nguy hiểm sẽ được giữ lại dưới dạng bí mật thương mại. Sản phẩm này chủ yếu chứa các polime có khối lượng phân tử lớn và dự kiến không gây ra nguy hiểm. Ngoài ra, mọi chất phụ gia trong sản phẩm này đều xuất hiện trong ma trận polime và dự kiến không gây ra nguy hiểm trong các điều kiện sử dụng được khuyến cáo. Các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở Mục 8.

**4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

Lời khuyên chung : Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến việc giải phóng khí và hơi gây kích ứng.

Đưa nạn nhân ra chỗ không khí trong lành.

Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra chỗ không khí trong lành trong trường hợp hít phải bụi hoặc khói do việc nung nóng hoặc đốt.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Sau khi tiếp xúc với da, ngay lập tức rửa sạch bằng nhiều nước lạnh.  
Ngay lập tức rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.  
Tham vấn bác sĩ.  
Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.  
Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Các con đường không gây phơi nhiễm hoặc ở mức độ có thể bỏ qua  
Nếu chẳng may nuốt phải, tìm kiếm các chăm sóc y tế ngay lập tức.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Được biết là chưa xảy ra.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không có thông tin.

## 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Hãy sử dụng hóa chất khô, CO<sub>2</sub>, nước phun hoặc bọt "chữa cháy". Nước là phương tiện chữa cháy hữu hiệu nhất.  
Cacbon dioxide và hóa chất khô thường không được khuyến khích sử dụng vì thiếu khả năng làm lạnh nên đám cháy nhựa lớn hơn có thể tái bùng phát (giọt nhỏ, đồng nhỏ, v).
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì có thể làm lan rộng đám cháy.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Tránh tạo ra bụi; bụi phân tán trong không khí ở nồng độ đủ lớn và trong điều kiện có nguồn gây cháy thì có nguy cơ gây ra cháy nổ.  
Chất liệu không nhạy cảm với tác động cơ học.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Đám cháy sẽ tạo ra khói đen dày đặc có chứa các chất nguy hiểm, oxit cacbon, các mảnh hydrocarbon.  
Nếu được dùng, một số chất phụ gia độc hại cũng có thể giải phóng hydrocarbon halogen hóa.
- Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.  
Trong quá trình chế biến, bụi có thể tạo thành hỗn hợp dễ nổ trong không khí.  
Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến việc giải phóng khí và hơi gây



kích ứng.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.  
Đứng ở đầu hướng gió/tránh xa nguồn.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các cảnh báo về môi trường : Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.  
Không nên để phát thải vào môi trường.  
SABIC cam kết triển khai Responsible Care® (Quan tâm có trách nhiệm) và các chương trình bền vững toàn cầu (như Liên minh chấm dứt rác thải nhựa, chương trình Operation Clean Sweep® (Dọn sạch khi vận hành), v.v.) trong suốt chuỗi giá trị được thiết kế để ngăn chặn và xử lý nhựa vô tình bị thải ra môi trường. Theo đó, SABIC khuyến nghị triển khai các hệ thống và thực hành của người dùng ở hạ nguồn để ngăn chặn và giải quyết việc thải nhựa không chủ ý, nhằm bảo vệ môi trường nước khỏi các tác động tiêu cực (dài hạn) của vật liệu nhựa.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Quét và xúc vào các bình chứa thích hợp để tiêu huỷ.  
Không tạo ra một đám bụi bột bằng cách sử dụng bàn chải hoặc khí nén.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.  
Cung cấp ống thông gió thích hợp và hệ thống thu bụi tại nơi máy móc hoạt động  
Tránh tạo ra bụi.  
Tất cả các phần kim loại của thiết bị điều chế và pha chế phải được nối dưới đất.  
Chỉ mở kiện hàng ở chỗ thoáng.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín và để tại nơi khô ráo, mát mẻ.  
Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.  
Hơi độc có thể tích tụ trong khoảng trống của thùng chứa đóng kín.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Titanium Dioxide	13463-67-7	TWA (Bụi hô hấp.)	5 mg/m3	VN OEL
		TWA (Bụi	6 mg/m3	VN OEL



		tổng)		
		STEL (Bụi tổng)	10 mg/m3	VN OEL

**Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp** : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.  
Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi máy móc hoạt động  
Xử lý khói ngưng tụ có thể là mối hỏa hoạn và độc hại; hãy định kỳ loại bỏ khói ngưng tụ ra khỏi ống xả, ống dẫn khí và các bề mặt khác bằng cách sử dụng bảo hộ cá nhân thích hợp.

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

- Bảo vệ hô hấp** : Sử dụng biện pháp thông gió và/hoặc kiểm soát kỹ thuật khi điều chế ở nhiệt độ cao nhằm tránh phơi nhiễm với hơi hóa chất.  
Nếu bụi hoặc bột được tạo ra từ các hoạt động thứ cấp như cưa hoặc mài, hãy dùng mặt nạ đã được phê chuẩn để bảo hộ.  
  
Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.
- Bảo vệ tay**  
**Vật liệu** : Đeo găng tay bảo hộ.
- Bảo vệ mắt** : Kính bảo hộ có tấm chắn bảo vệ hai bên  
Phải đeo găng tay chịu hóa chất
- Bảo vệ da và cơ thể** : Quần áo ống dài
- Các biện pháp bảo vệ** : Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.
- Các biện pháp vệ sinh** : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

**9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

- Trạng thái** : viên nhỏ
- Màu sắc** : màu vàng
- Mùi đặc trưng** : không có hoặc nhẹ
- Ngưỡng mùi** : Không có thông tin.
- Độ pH** : chưa có dữ liệu
- Điểm/ khoảng nóng chảy** : Sản phẩm này không thể hiện điểm nóng chảy mạnh nhưng mềm dần trong phạm vi nhiệt độ rộng.
- Điểm sôi/khoảng sôi** : chưa được xác định

Điểm cháy	: Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa được xác định
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	: chưa được xác định
Áp suất hóa hơi	: không đáng kể
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa được xác định
Tỷ trọng tương đối	: > 1; (nước = 1)
Khối lượng riêng	: chưa được xác định
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: không tan
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa được xác định
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	: Không có thông tin.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: 630 °C
Nhiệt độ phân hủy	: chưa được xác định
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	: Không áp dụng được

## 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.
Tính ổn định	: Ổn định tại nhiệt độ và áp suất thường. Không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	: Để tránh việc phân huỷ do nhiệt, không đun quá nóng. Đốt nóng có thể giải phóng các khí độc hại. Không để vượt quá nhiệt độ nóng chảy được khuyến nghị trong hướng dẫn sản phẩm. Phần dư của vật liệu nóng nên được thu thập ở hình dạng nhỏ, phẳng và mỏng và dập tắt bằng nước để cho phép làm lạnh nhanh. Không được để sản phẩm trong thùng ở nhiệt độ cao trong thời gian dài.

Vật liệu không tương thích	: Không có hạn chế đặc biệt nào về việc lưu giữ chung với các sản phẩm khác.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Hơi chế biến theo điều kiện chế biến được gợi ý có thể bao gồm một lượng nhỏ hydrocarbon, phenol, alkylphenol, diaryl cacbonat Nếu được dùng, một số chất phụ gia độc hại cũng có thể giải phóng halogen, axit hydrohalogen hoặc hydrocarbon halogen hóa.

## 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Độc cấp tính

#### Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : Ghi chú: > 5000 mg/kg (ước lượng)

Độc tính cấp qua da : Ghi chú: > 2000 mg/kg (ước lượng)

### Độc tính sinh sản

#### Thành phần:

#### **Substituted Pyrazolone:**

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển bào thai giai đoạn sớm/sinh sản  
Loài: Chuột, Đực và cái  
Gốc: wistar  
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Độc tính đối với sự phát triển: NOAEL:  $\geq 300$   
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422  
GLP: có

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

#### Thành phần:

#### **Titanium Dioxide:**

Các cơ quan đích : Phổi

### Kinh nghiệm với phơi nhiễm trên người

#### Sản phẩm:

Hít phải : Ghi chú: Ít có khả năng hít phải do hình thức vật lý. Xử lý khối ở điều kiện được đề nghị có thể chứa lượng nhỏ hóa chất độc hại. Điều kiện xử lý hoặc nhiệt độ tối đa có thể dẫn đến các cấp độ độc hại cao hơn. Xử lý hơi có thể gây kích ứng da, mắt và đường hô hấp. Trong trường hợp tiếp xúc quá nhiều, có thể dẫn đến buồn nôn và đau đầu. Hơi dầu mỡ ngưng tụ

trên đường ống thông gió, khuôn mẫu và các bề mặt khác có thể gây kích ứng và tổn thương da.

- Tiếp xúc với da : Ghi chú: Không gây nguy hiểm khi sử dụng cho công nghiệp bình thường. Nếu có, một số phụ gia (như sợi thủy tinh hoặc chất chống cháy) có thể gây kích ứng da ở những người nhạy cảm.
- Tiếp xúc với mắt : Ghi chú: Hạt nhựa, như vật liệu trơ khác, về mặt cơ học có thể gây khó chịu cho mắt.
- Nuốt phải : Ghi chú: Ít có khả năng nuốt phải do hình thức vật lý.

#### Thông tin khác

##### Sản phẩm:

- Ghi chú : Dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần cấu tạo tương tự

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### Độc môi trường

##### Thành phần:

##### Substituted Pyrazolone:

##### Đánh giá độc tố sinh thái học

- Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Có thể gây ảnh hưởng có hại kéo dài đối với sinh vật thủy sinh.

##### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

##### Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

##### Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

##### Các tác hại khác

##### Sản phẩm:

- Các thông tin sinh thái khác : Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh. Không có tổn thương sinh thái học khi sử dụng bình thường.

## 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

#### Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Chất thải cần phải được phân loại và dán nhãn trước khi tái chế hoặc loại bỏ.  
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ. Trong trường hợp có thể, việc tái chế





được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt.  
SABIC cam kết triển khai Responsible Care® (Quan tâm có trách nhiệm) và các chương trình bền vững toàn cầu (như Liên minh chấm dứt rác thải nhựa, chương trình Operation Clean Sweep® (Dọn sạch khi vận hành), v.v.) trong suốt chuỗi giá trị được thiết kế để ngăn chặn và xử lý nhựa vô tình bị thải ra môi trường. Theo đó, SABIC khuyến nghị triển khai các hệ thống và thực hành của người dùng ở hạ nguồn để ngăn chặn và giải quyết việc thải nhựa không chủ ý, nhằm bảo vệ môi trường nước khỏi các tác động tiêu cực (dài hạn) của vật liệu nhựa.

Bao bì nhiễm độc : Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt.  
Có thể được chôn lấp hoặc thiêu đốt khi đáp ứng được các quy định địa phương.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

**UNRTDG**  
Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được

**IATA-DGR**  
Số UN/ID : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : Không áp dụng được  
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : Không áp dụng được

**Mã IMDG**  
Số hiệu UN : Không áp dụng được  
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được  
Hạng : Không áp dụng được  
Nhóm phụ số : Không áp dụng được  
Nhóm hàng : Không áp dụng được  
Nhãn : Không áp dụng được  
Mã EmS : Không áp dụng được  
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

**Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý**  
Không áp dụng được



15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

SABIC đang tiết lộ thông tin về các thành phần phụ trong phần 15, theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, dựa trên dữ liệu từ các nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất nguyên liệu thô của chúng tôi. Lưu ý rằng việc phân tích nguyên liệu thô và/hoặc các sản phẩm SABIC để tìm sự hiện diện của các hóa chất này hoặc các hóa chất khác trên cơ sở thường xuyên không phải là một phần trong kế hoạch kiểm soát chất lượng của chúng tôi, cũng không phải là một phần trong thông số kỹ thuật sản phẩm của chúng tôi và do đó, việc phân tích sẽ không được hiểu là bất kỳ bảo đảm nào, rõ ràng hay ngụ ý. (Các) hóa chất được liệt kê trong phần này có thể được coi là có sự hiện diện với nồng độ dưới 0,1 (% w/w), trừ khi cũng xuất hiện trong phần 3 nơi có thể hiển thị dải nồng độ cao hơn.

Hơn nữa, điều này không loại trừ sự hiện diện của các vết nhỏ không đáng kể của các hóa chất khác do tạp chất hoặc cận trong các thành phần do bên ngoài cung cấp và/hoặc được sử dụng trong quá trình sản xuất các thành phần đó. Nhà sản xuất hoặc người bán có trách nhiệm xác nhận và thiết lập sự tuân thủ của sản phẩm cuối cùng với các yêu cầu quy định của địa phương/quốc gia. Thông tin được cung cấp ở đây là hiện tại kể từ ngày của tài liệu này, dựa trên dữ liệu có sẵn cho SABIC.

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

- TCSI(Taiwan) : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
- TSCA(USA) : Tất cả các chất được liệt kê là hoạt động trong bản kiểm kê TSCA
- AIIC(Australia) : Thông báo/Đăng ký được phê duyệt có (các) điều kiện. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với SABIC
- DSL(Canada) : Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều có trong Danh sách DSL do Canada ban hành
- ENCS(Japan) : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
- KECI(Korea) : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
- PICCS(Philippines) : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
- IECSC(China) : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
- NZIoC(New Zealand) : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
- REACH(European Union) : Nếu được mua ở châu Âu, tuân thủ Số 1907/2006 (REACH) hoặc được miễn trừ. Nếu không, vui lòng liên hệ với Nhà cung cấp/Nhà nhập khẩu
- CH INV(Switzerland) : Được miễn trừ, miễn là đáp ứng các điều kiện của EU-REACH. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ: Nhà sản xuất, Nhà nhập khẩu, Nhà cung cấp
- CCA/ARECS : Nếu được mua ở Hàn Quốc, tuân thủ K-REACH hoặc được miễn trừ. Nếu không, vui lòng liên hệ với Nhà cung cấp/Nhà nhập khẩu.
- CICR(Türkiye) : Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ: Nhà sản xuất, Nhà nhập khẩu, Nhà cung cấp

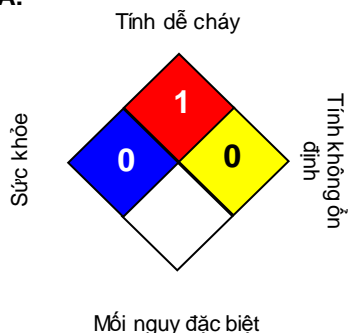
## 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐỈNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### Thông tin khác

Thương hiệu đã được đăng ký : SABIC và các nhãn hiệu được đánh dấu bằng <sup>TM</sup> là thương hiệu của SABIC hoặc công ty con hoặc chi nhánh của SABIC.

Người soạn : Sản phẩm Stewardship

### NFPA:



### HMIS III:

<b>SỨC KHỎE</b>	<b>0</b>
<b>TÍNH DỄ CHÁY</b>	<b>1</b>
<b>NGUY CƠ VẬT LÝ</b>	<b>0</b>

0 = không quan trọng, 1 = Yếu,  
2 = Trung bình, 3 = Cao  
4 = Cực trị, \* = Lâu dài

### Khước từ

Thông tin Bảng Dữ liệu An toàn (SDS) này được cung cấp dựa trên các quy định truyền thông nguy hiểm đối với khu vực hoặc quốc gia nơi có người mua hàng và đối với việc sử dụng của những người cần phải nhận được thông tin này theo các quy định đó. Thông tin này không được thiết kế hay khuyến cáo cho bất kỳ việc sử dụng nào khác hay cho bất kỳ người nào khác sử dụng, bao gồm cả việc tuân thủ các luật khác. SDS này có giá trị và chỉ áp dụng cho sản phẩm này như lúc đầu chúng tôi bán ra. SDS này không có giá trị trừ khi được lấy trực tiếp từ Saudi Basic Industries Corporation hoặc bất kỳ chi nhánh nào của công ty, hoặc được đăng tải hoặc xem trên trang web của SABIC. Nghiêm cấm sửa đổi SDS này, trừ khi được chúng tôi cho phép cụ thể. SDS này được dựa trên thông tin mà được cho là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành nhưng có thể bị thay đổi khi thông tin mới trở nên có sẵn. Vì không thể lường trước được tất cả các điều kiện sử dụng, mỗi người mua và người dùng sản phẩm này có trách nhiệm tự đưa ra quyết định riêng của mình đối với việc: (i) xử lý sản phẩm này an toàn và phù hợp theo cách sử dụng cụ thể riêng của vật liệu này; và (ii) tính phù hợp của sản phẩm này đối với việc sử dụng cụ thể của người dùng. THÔNG TIN QUY ĐỊNH TRONG TÀI LIỆU NÀY KHÔNG CẤU THÀNH HAY TẠO RA BẤT KỲ TUYÊN BỐ HAY ĐẢM BẢO NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM CẢ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG BẮN SẴN PHẨM HAY SỰ PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM ĐỐI VỚI MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, VÀ KHÔNG THAY ĐỔI CÁC ĐIỀU KIỆN BÁN HÀNG TIÊU CHUẨN CỦA CHÚNG TÔI.

### Từ chối trách nhiệm NFPA/HMIS

Reprinted with permission from NFPA 704-2001, Identification of the Hazards of Materials for Emergency Response Copyright ©1997, National Fire Protection Association, Quincy, MA 02269. This reprinted material is not the complete and official position of the National Fire Protection Association, on the referenced subject which is represented only by the standard in its entirety., Copyright ©2001, National Fire Protection Association, Quincy, MA 02269. This warning system is intended to be interpreted and applied only by properly trained individuals to identify fire, health and reactivity hazards of chemicals. The user is referred to certain limited number of chemicals with recommended classifications in NFPA 49 and NFPA 325, which would be used as a guideline only. Whether the chemicals are classified by NFPA or not, anyone using the

704 systems to classify chemicals does so at their own risk., Caution: HMIS® ratings are based on a 0-4 rating scale, with 0 representing minimal hazards or risks, and 4 representing significant hazards or risks. Although HMIS® ratings are not required on MSDSs under 29 CFR 1910.1200, the preparer may choose to provide them. HMIS® ratings are to be used with a fully implemented HMIS® program. HMIS® is a registered mark of the National Paint & Coatings Association (NPCA). HMIS® materials may be purchased exclusively from J. J. Keller (800) 327-6868. The customer is responsible for determining the PPE code for this material.

VN / VI

Kết thúc Bảng Dữ liệu An toàn